

BYK-073

Mã sản phẩm: 000000000000138745

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024/02/07

Ngày in 2025/02/24

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : BYK-073

Kiểu ứng dụng (sử dụng) : Defoamer

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : BYK-Chemie GmbH

Địa chỉ : Abelstrasse 45
46483 Wesel

Điện thoại : +49 281 670-23532

Telefax : +49 281 670-23533

Địa chỉ e-mail : GHS.BYK@altana.com

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +84 28 4458 2388 (Tiếng việt và tiếng anh)
+65 3158 1074 (All languages)

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Chất lỏng dễ cháy : Cấp 3

Độc cấp tính (Đường miệng) : Cấp 4

Ăn mòn/kích ứng da : Cấp 2

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt : Cấp 1

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn : Cấp 3 (Hệ hô hấp, Hệ thần kinh trung ương)

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ : 

Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm : H226 Hơi và chất lỏng dễ cháy.
H302 Có hại nếu nuốt phải.
H315 Gây kích ứng da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

Các lưu ý phòng ngừa : **Biện pháp phòng ngừa:**
P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. -
Không hút thuốc.

BYK-073

Mã sản phẩm: 000000000000138745

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2024/02/07

Ngày in 2025/02/24

P233 Đóng chặt thùng chứa.
P240 Tiếp đất và kết nối tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.
P241 Sử dụng các thiết bị điện/ thông gió/ chiếu sáng/ chống cháy nổ.
P242 Sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa điện.
P243 Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.
P261 Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
P271 Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông thoáng tốt.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó:

P301 + P312 + P330 NẾU NUỐT PHẢI: Gọi tới TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sỹ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.
P303 + P361 + P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả các quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước.
P304 + P340 + P312 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.
P305 + P351 + P338 + P310 NẾU BAY VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.
P332 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P370 + P378 Trong trường hợp cháy: Sử dụng cát, hóa chất khô hoặc bọt chịu cồn để dập tắt.

Lưu trữ:

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa luôn đóng kín.
P403 + P235 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ sản phẩm ở nhiệt độ mát.
P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Không có thông tin.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất
Bản chất hóa học : Solution of foam destroying polysiloxanes

BYK-073

Mã sản phẩm: 000000000000138745

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024/02/07

Ngày in 2025/02/24

Thành phần nguy hiểm

Tên hóa học

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
2-Methoxy-1-methylethylacetat	108-65-6	>= 30 - < 50
Butan-1-ol	71-36-3	>= 25 - < 30
n-Butylacetat	123-86-4	>= 20 - < 25

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung	: Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm. Tham vấn bác sĩ. Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sĩ chăm sóc. Không được để nạn nhân một mình.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp	: Hỏi ý kiến bác sĩ sau khi tiếp xúc nhiều. Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da	: Liên hệ với bác sĩ nếu hiện tượng kích ứng da kéo dài. Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước. Nếu ở quần áo, cởi bỏ quần áo.
Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt	: Một lượng nhỏ bắn vào mắt cũng có thể gây mù hoặc tổn thương mô không thể phục hồi. Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, ngay lập tức rửa mắt bằng nhiều nước và hỏi ý kiến bác sĩ. Tiếp tục rửa mắt trên đường đến bệnh viện. Gỡ bỏ kính áp tròng. Bảo vệ con mắt không bị tổn thương. Mở rộng mắt khi rửa. Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	: Giữ sạch đường hô hấp. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn. Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	: Không có thông tin. Không có thông tin.
Lưu ý đối với bác sĩ điều trị	: Không có thông tin.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	: Bọt chịu cồn. Carbon đioxit (CO2) Hóa chất khô
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	: Tia nước dung tích lớn
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	: Làm mát các bình chứa kín trong vụ cháy bằng bụi nước. Will not explode on mechanical impact. Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
Các chất độc được sinh ra	: Carbon ôxit

BYK-073

Mã sản phẩm: 000000000000138745

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024/02/07

Ngày in 2025/02/24

khi bị cháy	silicone compounds formaldehyde
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	: Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung. Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương. Vì lý do an toàn trong trường hợp hỏa hoạn, các thùng chứa cần được lưu giữ riêng rẽ trong các ngăn kín. Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa kín hoàn toàn.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	: Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	: Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Di chuyển tất cả các nguồn gây cháy. Di tản mọi người tới các khu vực an toàn. Lưu ý hơi tích tụ có thể tạo thành các đám dễ nổ. Hơi có thể tích tụ tại nơi ẩm thấp.
Các cảnh báo về môi trường	: Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn. Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	: Kiểm chế chất tràn đổ, sau đó thu gom bằng vật liệu thấm không cháy (e.g. cát, đất, đất diatomit, chất khoáng) và giữ trong thùng chứa để tiêu hủy theo quy định nhà nước/địa phương (xem phần 13).

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ	: Không được phun lên ngọn lửa trần hoặc các vật liệu nóng sáng khác. Tiến hành các hoạt động cần thiết để tránh việc phóng tĩnh điện (có thể gây cháy các hơi hữu cơ). Để xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm	: Tránh tạo ra aerosol. Không được hít hơi/bụi. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8. Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện. Cung cấp đủ sự trao đổi không khí và/hoặc ống xả khí trong các phòng làm việc. Mở các thùng chứa cẩn thận vì có thể có áp suất bên trong. Để tránh tràn đổ trong quá trình thao tác, để chai ở trên một khay kim loại. Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.
Biện pháp, điều kiện cần áp	: Không hút thuốc.

BYK-073

Mã sản phẩm: 000000000000138745

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024/02/07

Ngày in 2025/02/24

dụng khi bảo quản	Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Các bình chứa đã mở phải được đóng gấn lại cẩn thận và giữ theo chiều thẳng đứng để tránh rò rỉ. Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn. Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.
-------------------	--

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Butan-1-ol	71-36-3	TWA	150 mg/m3	VN OEL
		TWA	20 ppm	ACGIH
n-Butylacetat	123-86-4	TWA	500 mg/m3	VN OEL
		STEL	700 mg/m3	VN OEL
		TWA	150 ppm	ACGIH
		STEL	200 ppm	ACGIH

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp	: Trong trường hợp có hơi được tạo ra, sử dụng mặt nạ phòng độc có bộ lọc đủ tiêu chuẩn.
Bảo vệ tay	
Vật liệu	: Cao su nitrile
Thời gian thấm	: > 480 min
Ghi chú	: Mang găng tay thích hợp.
Bảo vệ mắt	: Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết Kính bảo hộ vừa khít Đeo mạng che mặt và bộ quần áo bảo hộ phù hợp khi có các vấn đề bất thường.
Bảo vệ da và cơ thể	: Quần áo không thấm. Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.
Các biện pháp vệ sinh	: Không được ăn hoặc uống khi sử dụng. Không hút thuốc khi sử dụng. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: thể lỏng
Màu sắc	: không màu, trong suốt
Mùi đặc trưng	: dung môi
Ngưỡng mùi	: chưa có dữ liệu
Độ pH	: 4,8 (20 °C) Nồng độ: 1 % Phương pháp: DIN 19268 (1% in water)
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	: < 0 °C Phương pháp: derived

BYK-073

Mã sản phẩm: 000000000000138745

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024/02/07

Ngày in 2025/02/24

Điểm sôi/khoảng sôi	: 110 °C (1.013 hPa) Phương pháp: derived
Điểm cháy	: 32 °C (1.013 hPa) Phương pháp: 49 (Pensky-Martens)
Tỷ lệ hóa hơi	: chưa có dữ liệu
Tính dễ cháy (chất lỏng)	: Duy trì sự cháy
Giới hạn trên của cháy nổ	: chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ	: chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	: 15 hPa (20 °C) Phương pháp: derived
Khối lượng riêng	: 0,899 g/cm3 (20 °C, 1.013 hPa) Phương pháp: 4 (20°C oscillating U-tube)
Độ hòa tan	
Độ hòa tan trong nước	: không thể pha trộn
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	: chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự cháy	: > 200 °C (1.013 hPa) Phương pháp: DIN 51794
Độ nhớt	
Độ nhớt, động lực	: 1 mPa.s (20 °C) Phương pháp: P/K 20°C
Độ nhớt, động học	: chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Tính ổn định	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Phản ứng nguy hiểm	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn. Hơi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí.
Các điều kiện cần tránh	: Nhiệt, lửa và tia lửa.
Vật liệu không tương thích	: Chất oxy hóa Các chất oxy hóa mạnh Alkalis Axit mạnh
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

BYK-073

Mã sản phẩm: 000000000000138745

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024/02/07

Ngày in 2025/02/24

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc cấp tính

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng : Ước lượng độc tính cấp: 2.000 mg/kg
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:

2-Methoxy-1-methylethylacetat:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, con cái): > 5.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 401
GLP: có

Độc tính cấp do hít phải : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính cấp qua da : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Butan-1-ol:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, con cái): 2.292 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 401

Độc tính cấp qua da : LD50 (Thỏ, con đực): 3.430 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402
GLP: có

n-Butylacetat:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, con đực): > 10.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 423

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): > 21,1 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: hơi
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403
GLP: có

Độc tính cấp qua da : LD50 (Thỏ, Đực và cái): > 14.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402

Ăn mòn/kích ứng da

Sản phẩm:

Ghi chú: Ăn mòn và phá hủy nghiêm trọng mô

Thành phần:

2-Methoxy-1-methylethylacetat:

BYK-073

Mã sản phẩm: 000000000000138745

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2024/02/07

Ngày in 2025/02/24

Loài: Thỏ
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
Kết quả: Không gây kích ứng da
GLP: có

Butan-1-ol:

Loài: Thỏ
Phương pháp: Thử nghiệm Draize
Kết quả: Kích ứng da

n-Butylacetat:

Loài: Thỏ
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
Kết quả: Không gây kích ứng da

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**Sản phẩm:**

Ghi chú: Có thể gây tổn thương mắt không thể phục hồi

Thành phần:**2-Methoxy-1-methylethylacetat:**

Loài: Thỏ
Kết quả: Không gây kích ứng mắt
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405
GLP: có

Butan-1-ol:

Loài: Thỏ
Kết quả: Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405
GLP: có

n-Butylacetat:

Loài: Thỏ
Kết quả: Không gây kích ứng mắt
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405
GLP: có

Kích thích hô hấp hoặc da**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:**2-Methoxy-1-methylethylacetat:**

Loài: Chuột lang

BYK-073

Mã sản phẩm: 000000000000138745

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2024/02/07

Ngày in 2025/02/24

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406
Kết quả: Không phải là chất gây mẫn cảm da
GLP: có

Butan-1-ol:

Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm cực đại
Loài: Chuột lang
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406
Kết quả: Không gây kích ứng da.
GLP: có

n-Butylacetat:

Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm Buehler
Loài: Chuột lang
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406
Kết quả: Không gây kích ứng da.

STOT - Tiếp xúc một lần

Thành phần:

2-Methoxy-1-methylethylacetat:

Đánh giá: Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

Lượng độc lặp lại

Sản phẩm:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính hô hấp

Thành phần:

Butan-1-ol:

Không có dạng độc tính hô hấp

Thông tin khác

Sản phẩm:

Ghi chú: Các triệu chứng của phơi nhiễm quá mức có thể là đau đầu, hoa mắt, mệt mỏi, buồn nôn và nôn mửa.

Các nồng độ cao hơn đáng kể ngưỡng giá trị tới hạn TLV có thể gây mê man.

Dung môi có thể gây mất mỡ da.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Sản phẩm:

Độc đối với cá

:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

BYK-073

Mã sản phẩm: 000000000000138745

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2024/02/07

Ngày in 2025/02/24

Độc tính đối các loài giáp xác :
và các động vật không
xương sống thủy sinh khác

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:**2-Methoxy-1-methylethylacetat:**

- Độc đối với cá : LC50 (Cá): 100 - 180 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
GLP: không
- Độc đối với tảo : EC50 (*Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục)): > 1.000 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201
GLP: không

Butan-1-ol:

- Độc đối với cá : LC50 (*Pimephales promelas* (cá tuế đầu to)): 1.376 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
GLP: có
- Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (*Daphnia magna* (Bọ nước)): 1.328 mg/l
và các động vật không : Thời gian phơi nhiễm: 48 h
xương sống thủy sinh khác : Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
GLP: có
- Độc đối với tảo : ErC50 (*Selenastrum capricornutum* (tảo lục)): 225 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201
GLP: có
- Độc tính đối các loài giáp xác : NOEC (*Daphnia magna* (Bọ nước)): 4,1 mg/l
và các động vật không : Thời gian phơi nhiễm: 21 d
xương sống thủy sinh khác : Điểm kết thúc: Reproduction
(Tính độc mãn tính) : Loại kiểm nghiệm: semi-static test
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211
GLP: có

n-Butylacetat:

- Độc đối với cá : LC50 (*Pimephales promelas* (cá tuế đầu to)): 18 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
- Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (*Daphnia magna* (Bọ nước)): 44 mg/l
và các động vật không : Thời gian phơi nhiễm: 48 h
xương sống thủy sinh khác

BYK-073

Mã sản phẩm: 000000000000138745

Phiên bản 2.1 SDS_VN Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024/02/07 Ngày in 2025/02/24

Độc đối với tảo : ErC50 (Scenedesmus subspicatus): 675 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h

Độc tính đối các loài giáp xác : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 23 mg/l
và các động vật không Thời gian phơi nhiễm: 21 d
xương sống thủy sinh khác Điểm kết thúc: Reproduction
(Tính độc mãn tính) Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Sản phẩm:

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:

2-Methoxy-1-methylethylacetat:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Dễ phân huỷ sinh học.
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301F
GLP: có

Butan-1-ol:

Tính phân hủy sinh học : hiệu khí
Kết quả: Dễ phân huỷ sinh học.

n-Butylacetat:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Dễ phân huỷ sinh học.
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301D

Khả năng tích lũy sinh học

Sản phẩm:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:

2-Methoxy-1-methylethylacetat:

Hệ số phân tán: n- : log Pow: 1,2 (20 °C)
octanol/nước Độ pH: 6,8
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 117
GLP: có

Butan-1-ol:

Hệ số phân tán: n- : log Pow: 1 (25 °C)
octanol/nước Độ pH: 7
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 117
GLP: có

n-Butylacetat:

Hệ số phân tán: n- : log Pow: 2,3 (25 °C)

BYK-073

Mã sản phẩm: 000000000000138745

Phiên bản 2.1 SDS_VN Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024/02/07 Ngày in 2025/02/24

octanol/nước Độ pH: 7
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 117
GLP: có

Độ linh động trong đất
chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.
Không sử dụng hoặc đốt đèn trên thùng rỗng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN : UN 1993
Tên vận chuyển thích hợp : FLAMMABLE LIQUID, N.O.S.
(1-Methoxy-2-propanol acetate, n-Butanol)

Hạng : 3
Nhóm hàng : III
Nhãn : 3

IATA-DGR

Số UN/ID : UN 1993
Tên vận chuyển thích hợp : Flammable liquid, n.o.s.
(1-Methoxy-2-propanol acetate, n-Butanol)

Hạng : 3
Nhóm hàng : III
Nhãn : Flammable Liquids
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay) : 366
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay) : 355

Mã IMDG

Số hiệu UN : UN 1993
Tên vận chuyển thích hợp : FLAMMABLE LIQUID, N.O.S.

BYK-073

Mã sản phẩm: 000000000000138745

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024/02/07

Ngày in 2025/02/24

	(1-Methoxy-2-propanol acetate, n-Butanol)
Hạng	: 3
Nhóm hàng	: III
Nhãn	: 3
Mã EmS	: F-E, <u>S-E</u>
Chất ô nhiễm đại dương	: không
Ghi chú	: IMDG Code segregation group - none

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất
Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày
Các thông tin này dựa trên hiểu biết hiện nay của chúng tôi do đó không chắc chắn đối với một số đặc tính nhất định.